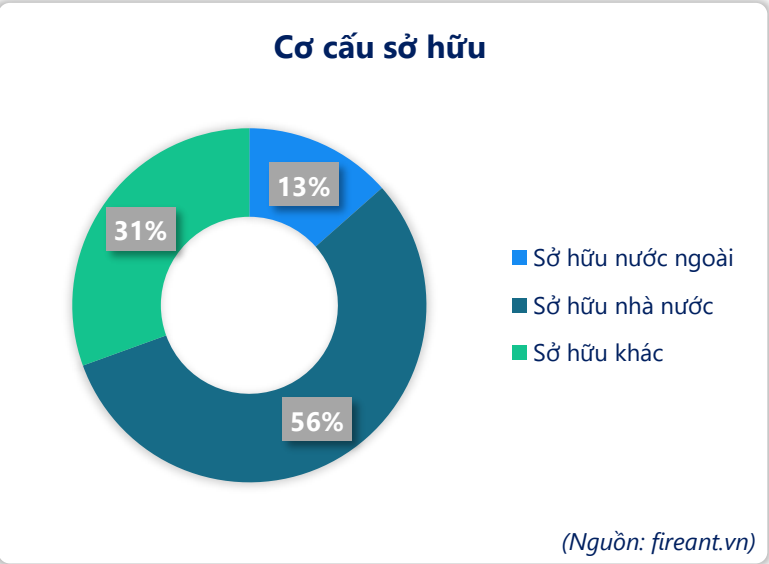
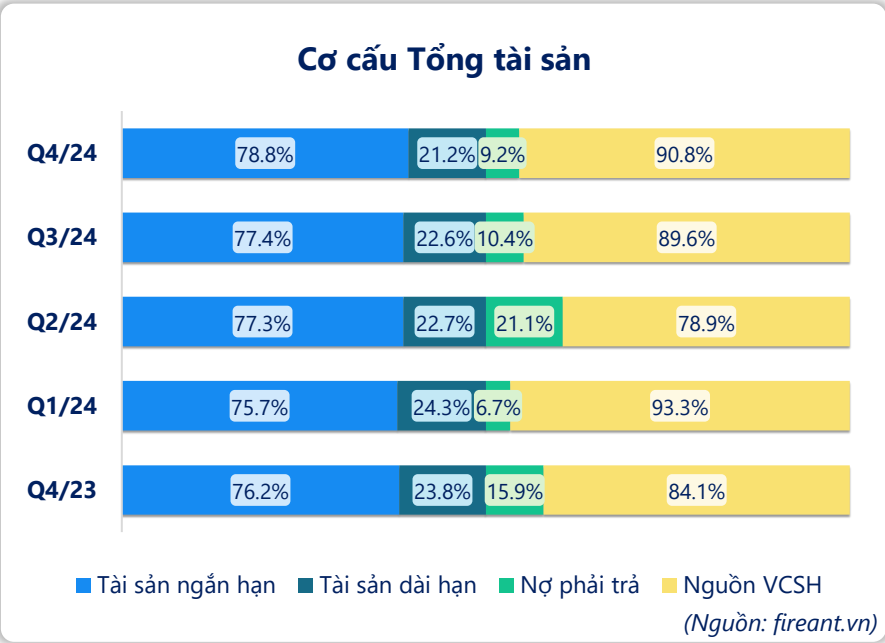
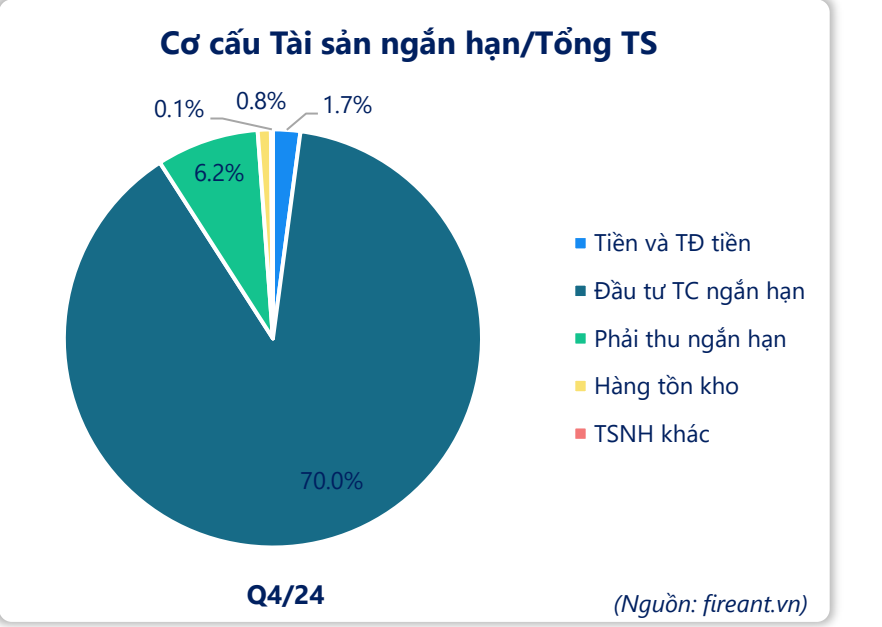
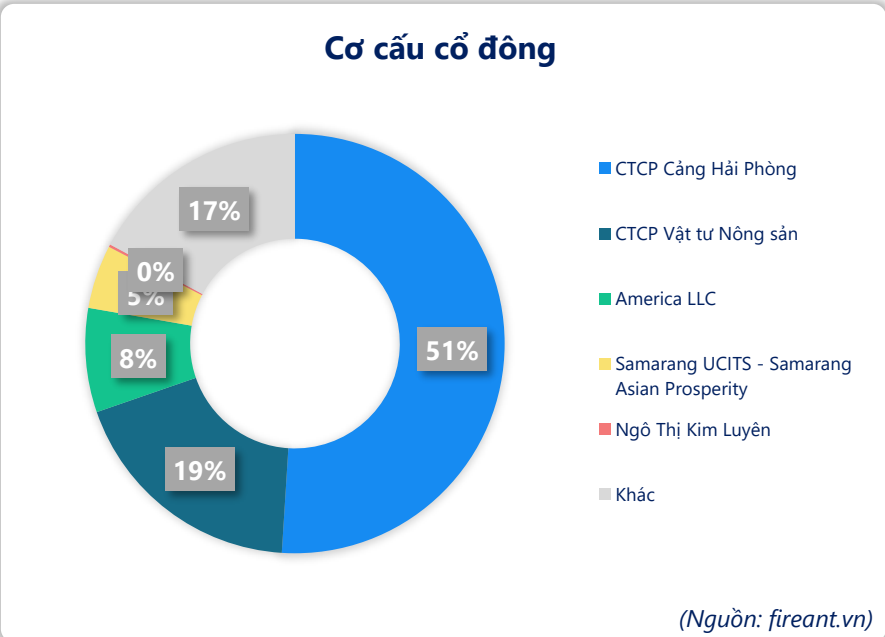
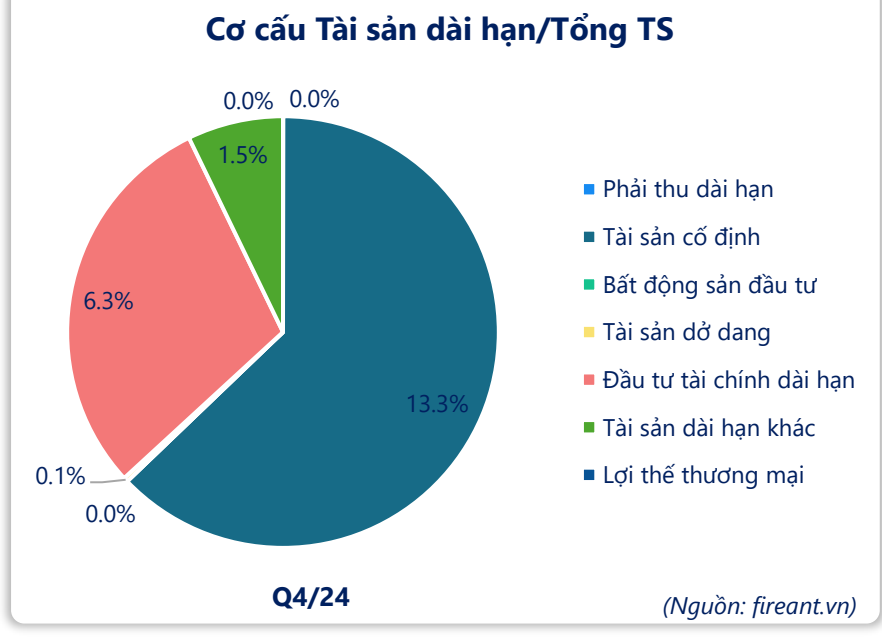
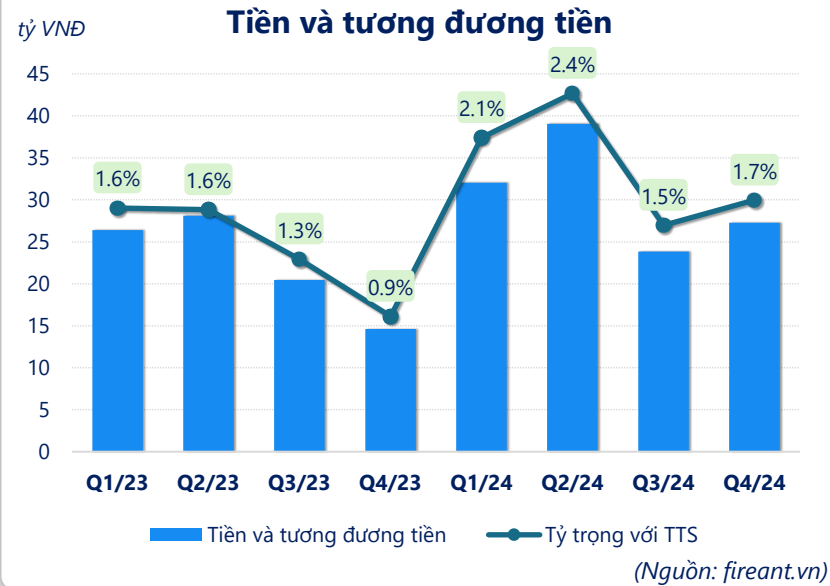
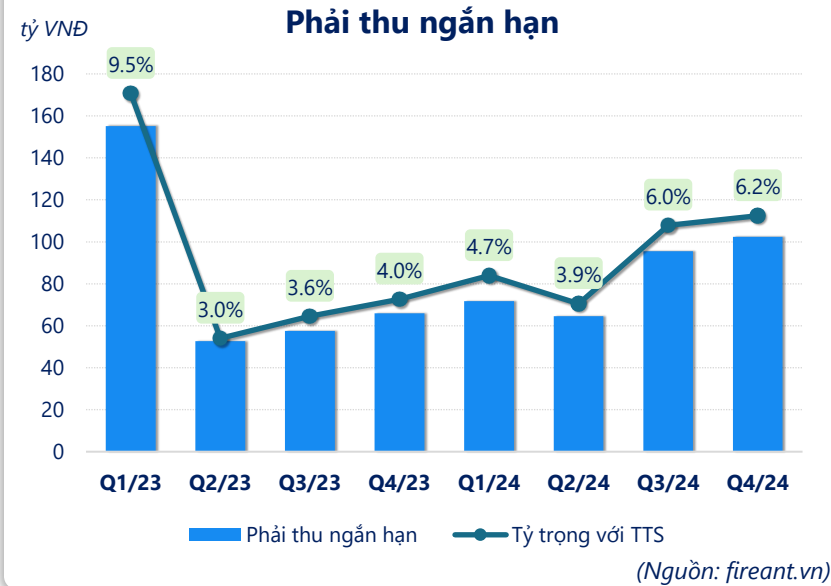
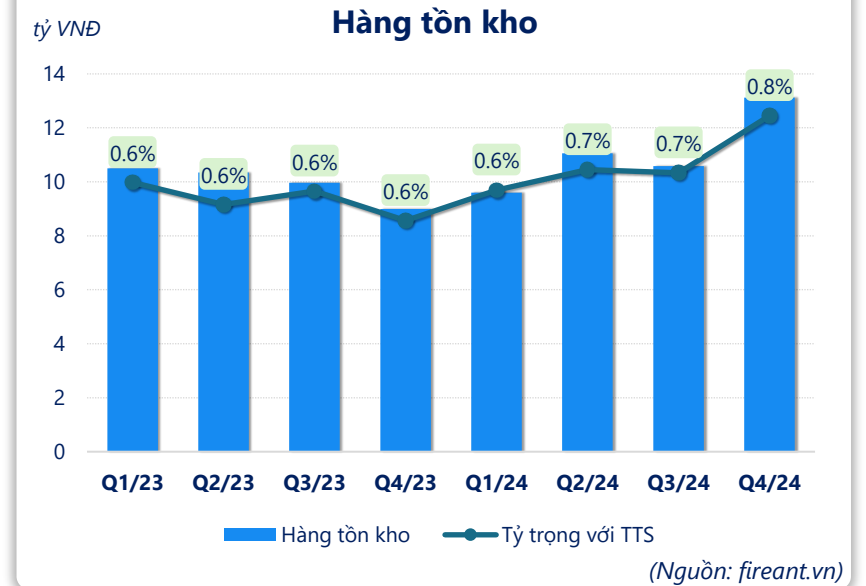
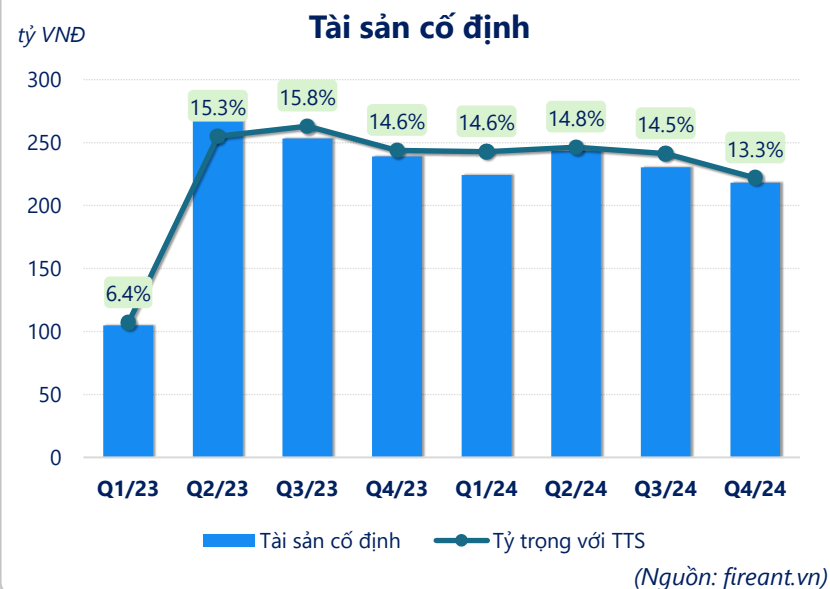
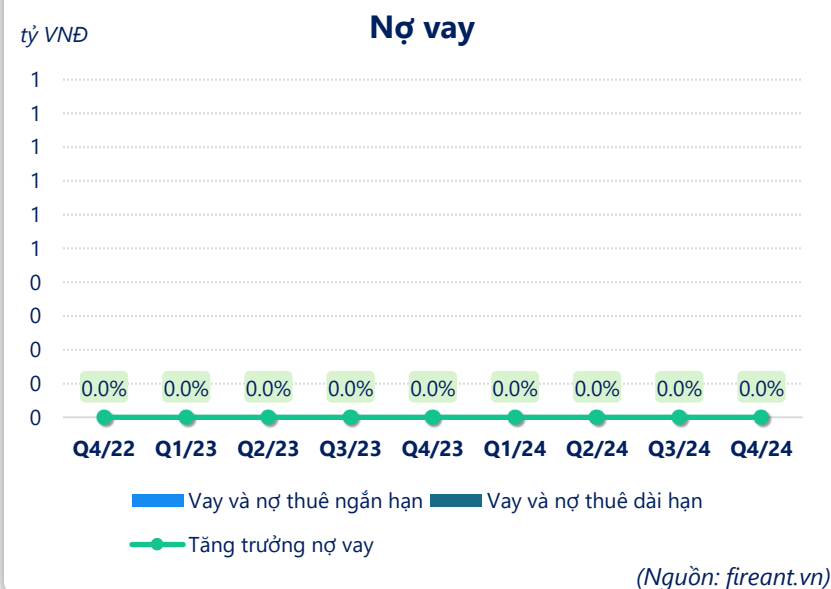
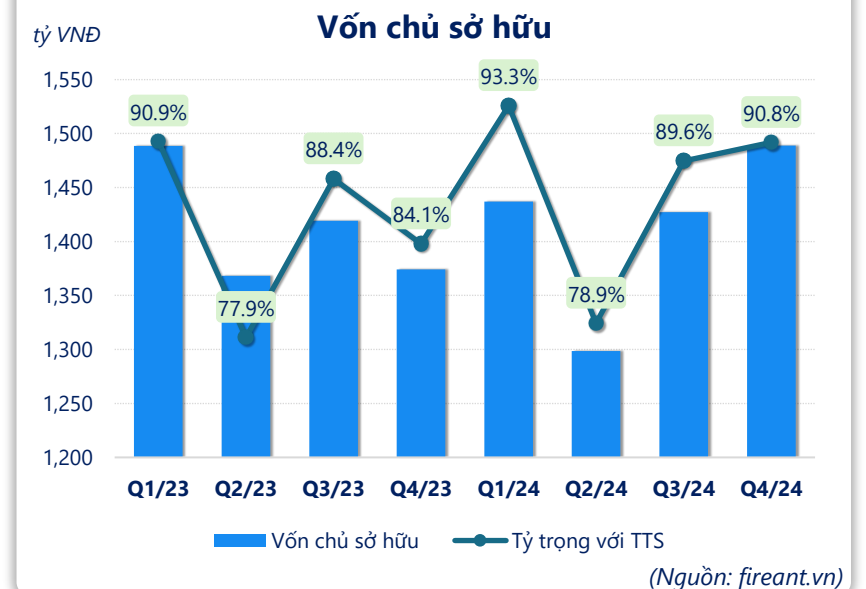
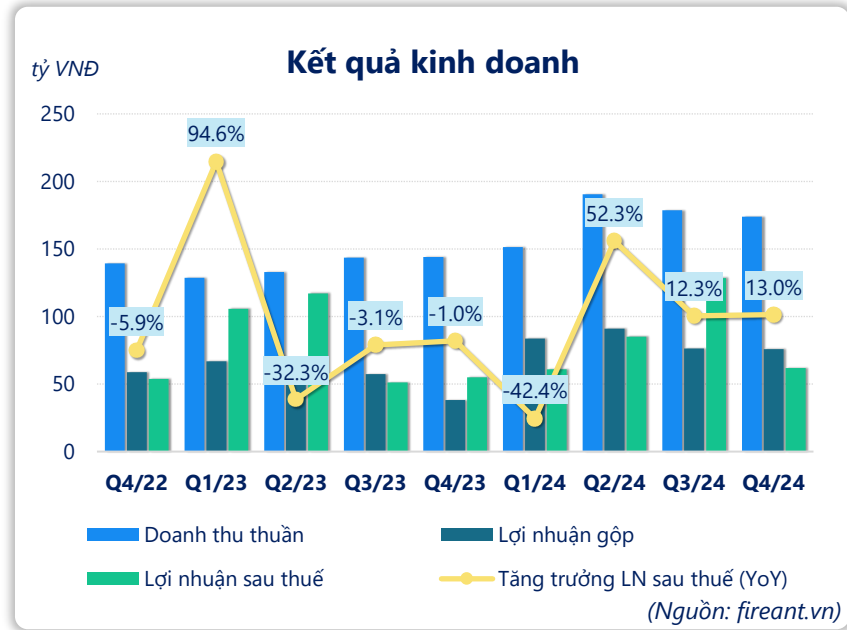
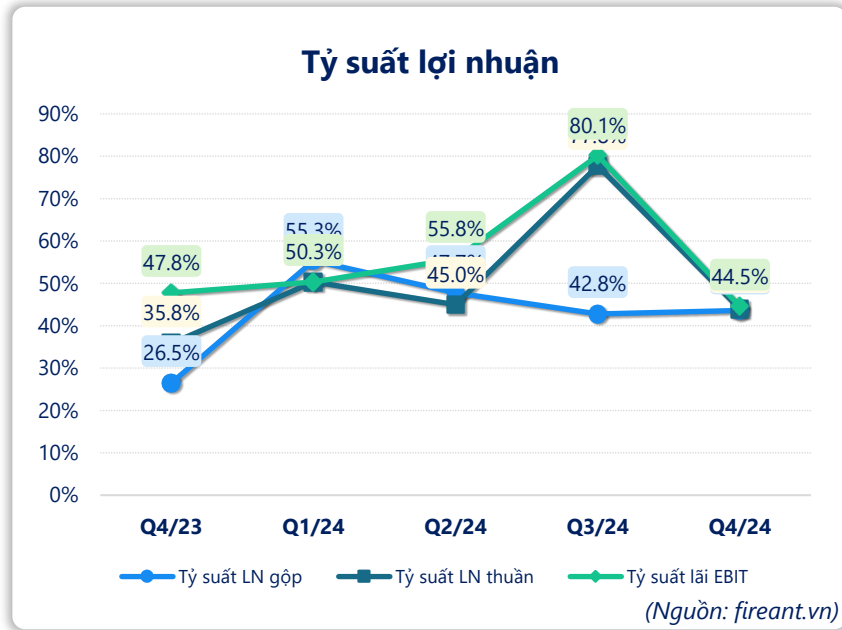
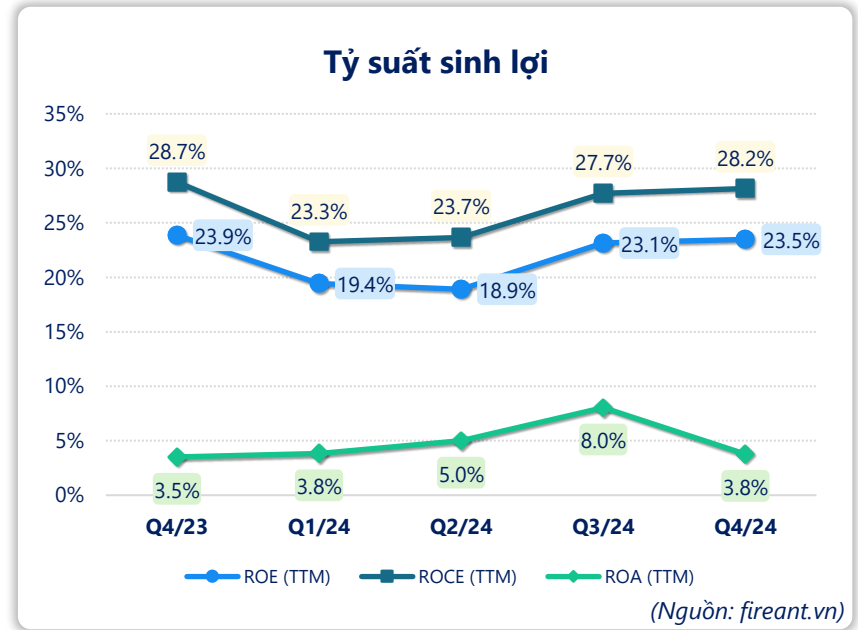
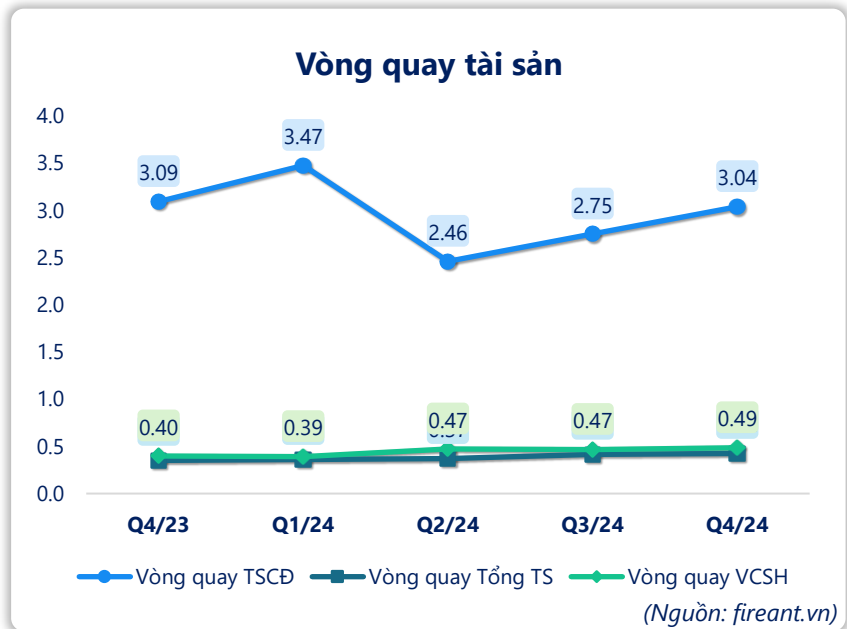
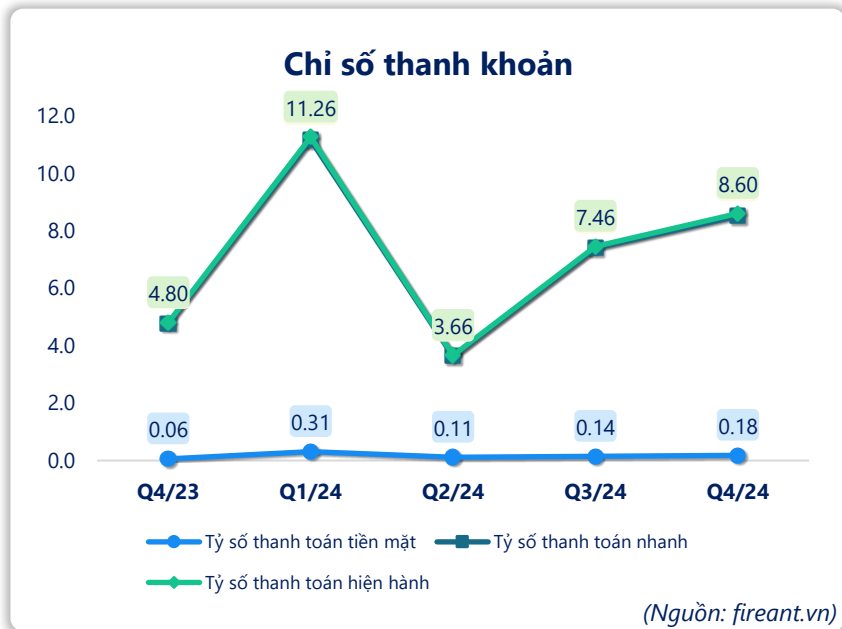
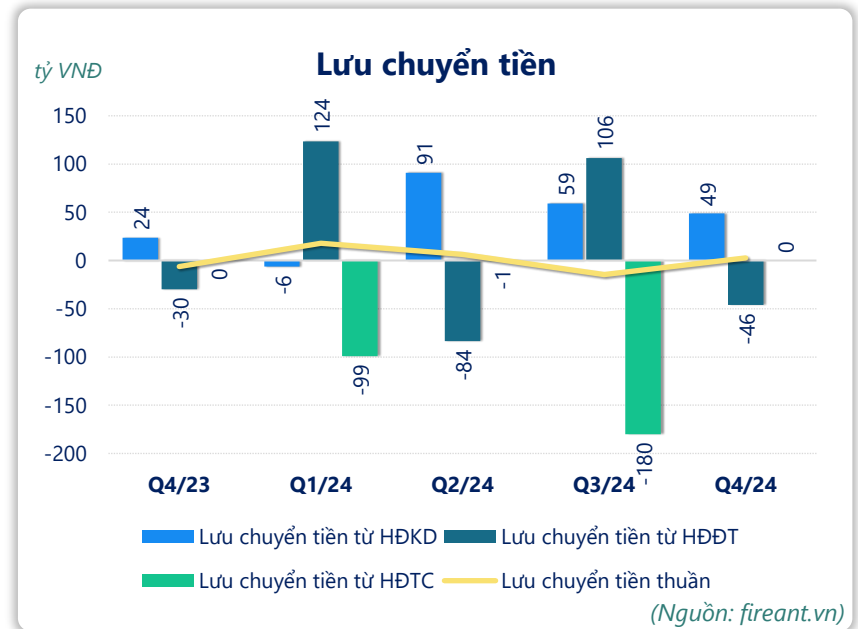


Thông tin giao dịch		31/12/2024
Giá hiện tại (VNĐ)		82,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		79,898
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		60,249
SL cổ phiếu LH		40,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		11,775
% sở hữu nước ngoài		13.5%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		3,280
P/E		9.8
EPS		8,406

	YTD	1T	3T	6T
DVP		10.4%	13.0%	11.4%
VNINDEX		2.1%	-0.2%	-1.3%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	1,639	1,636	0.2%
Tài sản ngắn hạn	1,292	1,247	3.6%
Tiền và tương đương tiền	27.3	14.6	86.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1,147	1,145	0.2%
Phải thu ngắn hạn	102	66.0	55.1%
Hàng tồn kho	13.1	8.99	45.9%
Tài sản ngắn hạn khác	1.99	12.3	-83.9%
Tài sản dài hạn	347	389	-10.7%
Phải thu dài hạn	0.09	0.12	-24.4%
Tài sản cố định	218	239	-8.7%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	1.14	0.52	121%
Đầu tư tài chính dài hạn	103	124	-16.7%
Tài sản dài hạn khác	24.9	25.7	-2.8%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	150	260	-42.2%
Nợ ngắn hạn	150	260	-42.2%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	14.4	36.2	-60.1%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,489	1,376	8.2%
Vốn chủ sở hữu	1,489	1,376	8.2%
Vốn điều lệ	400	400	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Doanh thu thuần	144	151	190	179	174
Giá vốn hàng bán	106	67.6	99.5	102	98.1
Lợi nhuận gộp	38.2	83.8	90.9	76.4	75.8
Doanh thu HĐTC	36.8	5.49	13.9	82.5	26.1
Chi phí TC	0.00	0.00	0.01	0.02	0.00
Chi phí lãi vay	0	0	0	0	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	23.3	13.1	19.1	20.0	25.5
LN thuần từ HĐKD	51.6	76.2	85.7	139	76.4
Lợi nhuận khác	17.2	-0.02	20.6	4.27	1.04
LN trước thuế	68.9	76.2	106	143	77.5
Lợi nhuận sau thuế	55.0	60.9	85.0	128	61.8
LNST của CĐ cty mẹ	55.0	60.9	85.0	128	61.8

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	23.6	-6.43	90.9	59.1	48.9
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-29.9	124	-83.7	106	-46.0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-0.01	-99.2	-0.78	-180	0
Tiền đầu kỳ	20.5	14.6	32.0	39.0	23.8
Lưu chuyển tiền thuần	-6.32	17.9	6.41	-14.6	2.83
Ảnh hưởng tỷ giá	0.49	-0.49	0.61	-0.61	0.61
Tiền cuối kỳ	14.6	32.0	39.0	23.8	27.3

(Nguồn: fireant.vn)